

Bản án số: 35/2017/KDTM-ST

Ngày: 18-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh,
2. Ông Đồng Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT, địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1, 6, 7 Tòa nhà C, số 16 P, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ Phòng giao dịch: Số 9 đường B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 41/161 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 3.1569.16 ngày 02 tháng 11 năm 2016).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1975 và bà Đồng Thị H, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Văn T, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 (đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) và bà Trần Thị T, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Ông Trần Hữu L, sinh năm 1963 và bà Thân Thị H, sinh năm 1983; Cùng có địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Ông Phạm Văn L, ông Trần Hữu T, ông Trần Văn T, bà Bùi Thị L, bà Trần Thị T, ông Trần Hữu L và bà Thân Thị H đều có mặt; Bà Đồng Thị H, ông Lê Văn T vắng mặt (ông T có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2016 nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn L đều trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT (sau đây viết tắt là Ngân hàng QT) với ông Trần Hữu T và bà Đồng Thị H có quan hệ tín dụng bởi hai hợp đồng tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số 584/HDTD1-VIB32/10 ngày 07 tháng 7 năm 2010 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 584) số tiền Ngân hàng QT đã giải ngân cho ông T và bà H vay là 500.000.000 đồng (Thể hiện tại Khế ước nhận nợ số 584/KUNN1-VIB32/10 ngày 09 tháng 7 năm 2010) để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh nước đá, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; Tại Hợp đồng tín dụng số 536/HDTD1-VIB32/11 ngày 30 tháng 6 năm 2011 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 536) số tiền Ngân hàng QT đã giải ngân cho ông T và bà H vay là 550.000.000 đồng (Thể hiện tại Khế ước nhận nợ số 536/KUNN1-VIB32/11 ngày 07 tháng 7 năm 2011) để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh nước đá, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số 584 là Quyền sử dụng đất diện tích 364m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 486, tờ bản đồ số 04, thôn P, xã P, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Hữu L, được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AH527266 ngày 20 tháng 12 năm 2006, số vào sổ cấp giấy: H/00698 (sau đây viết tắt là Thửa đất số 486); Tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số 536 là Quyền sử dụng đất diện tích 140m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01, thôn P, xã P, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là ông Lê Văn T, vợ là Trần Thị T, được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BG057580 ngày 21 tháng 6 năm 2011, số vào sổ cấp giấy: CH/100086 (sau đây viết tắt là Thửa đất số 217) và Quyền sử dụng đất diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1384, tờ bản đồ số 04, thôn 2, xã A, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn T, vợ là Bùi Thị L, được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BG057922 ngày 27 tháng 6 năm 2011, số vào sổ cấp giấy: CH/0054 (sau đây viết tắt là Thửa

đất số 1384). Toàn bộ tài sản thế chấp đều được kí hợp đồng thế chấp, được công chứng tại Văn phòng công chứng A và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến năm 2013 ông T, bà H mới trả cho Hợp đồng tín dụng số 584 được 270.870.000 đồng tiền gốc và 199.806.984 đồng tiền lãi, trả cho Hợp đồng tín dụng số 536 được 184.000.000 đồng tiền gốc và 182.079.240 đồng tiền lãi. Toàn bộ khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2013. Ngân hàng QT đã tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ nhưng đến nay ông T, bà H vẫn không thực hiện được.

Ngân hàng QT khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu ông T, bà H trả nợ Ngân hàng QT tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 7 năm 2017) là 1.285.365.843 đồng; Trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng số 584 là 229.130.000 đồng tiền gốc và 259.687.183 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn, nợ của Hợp đồng tín dụng số 536 là 366.000.000 đồng tiền gốc và 322.871.277 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn; Yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp là Thửa đất số 217 và Thửa đất số 1384 để mỗi tài sản phải thanh toán trả cho $\frac{1}{2}$ số nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 536 và tiền lãi chậm thi hành án trong trường hợp bên vay không trả được nợ. Ngân hàng QT rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 486.

Trong Văn bản ngày 21 tháng 3 năm 2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Trần Hữu T đồng ý với những yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Lý do của việc không trả được nợ vay đúng hạn là do gặp nhiều khó khăn trong buôn bán, kinh doanh. Ông T đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần, chưa phát mại tài sản thế chấp.

Trong Văn bản ngày 17 tháng 4 năm 2017 của bà Trần Thị T, Văn bản ngày 03 tháng 5 năm 2017 của ông Lê Văn T và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T đồng ý với những lời khai của nguyên đơn và anh Thành. Bà Trần Thị T còn trình bày bổ sung là đề nghị Tòa án chưa phát mại tài sản thế chấp.

Trong Văn bản ngày 17 tháng 4 năm 2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hữu L và Thân Thị H đồng ý với những lời khai của nguyên đơn và anh Thành, đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng QT liên quan đến tài sản của gia đình ông bà.

Trong Văn bản ngày 04 tháng 4 năm 2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị L và Trần Văn T đồng ý với những lời khai của nguyên đơn và anh T. Bà L và ông T còn trình bày bổ sung là đề nghị Tòa án chưa phát mại tài sản thế chấp.

Ông Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Anh Thành và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Chị Hà chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 30, 35, 40, 85, 147 và Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); Các Điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) năm 2005; Các Điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng QT, buộc ông Trần Hữu T và bà Đồng Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 584 và Hợp đồng tín dụng số 536 đến ngày 18 tháng 7 năm 2017 là 1.285.365.843 đồng; Trong đó nợ gốc là 595.130.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.672.236 đồng, nợ lãi quá hạn là 489.563.607 đồng; Ông T và bà H tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2017, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này; Trường hợp ông T và bà H không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 217 và Thửa đất số 1384 để thu hồi nợ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 486 do Ngân hàng QT đã rút. Ông T và bà H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Đồng Thị H đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đồng Thị H.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông Trần Hữu T về số nợ gốc, lãi của các hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật; Bị đơn Đồng Thị H biết nội dung tranh chấp nhưng không có ý kiến, quan điểm; Căn cứ vào sự thừa nhận như đã nêu trên và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo các Điều 91 và 97 của BLTTDS khẳng định được Hợp đồng tín dụng số 584 và Hợp đồng tín dụng số

536 đã bị quá hạn, đến ngày 18 tháng 7 năm 2017 ông T và bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.285.365.843 đồng; Trong đó tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 584 là 259.687.183 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn, nợ của Hợp đồng tín dụng số 536 là 366.000.000 đồng tiền gốc và 322.871.277 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn. Vậy, yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 122, 471 và 474 của BLDS năm 2005, các Điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015.

[3] Về nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại Văn bản ngày 05 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa, Ngân hàng QT đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 486. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện được ông L và bà H chấp nhận; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng QT đã rút.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Việc Ngân hàng QT yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 217 và Thửa đất số 1384 để mỗi tài sản phải thanh toán trả cho $\frac{1}{2}$ số nợ gồm tiền nợ gốc, tiền nợ tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 536 và tiền lãi chậm thi hành án trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 323, 343, 355, 715 và 721 của BLDS năm 2005; Các Điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng. Về hiện trạng các tài sản thế chấp đã được xem xét, thẩm định tại chỗ và không thay đổi so với thời điểm thế chấp.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là 50.561.000 đồng.

Với nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30, 35, 91, 92, 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 117,

298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Hữu T và bà Đồng Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT theo Hợp đồng tín dụng số 584/HDTD1-VIB32/10 ngày 07 tháng 7 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 536/HDTD1-VIB32/11 ngày 30 tháng 6 năm 2011 với tổng số tiền tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2017 là 1.285.365.843 (Một tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi năm nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng); Trong đó nợ gốc là 595.130.000 (Năm trăm chín mươi lăm triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 200.672.236 (Hai trăm triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 489.563.607 (Bốn trăm tám mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm linh bảy đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Trần Hữu T và bà Đồng Thị H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất diện tích 140m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01, thôn P, xã P, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là ông Lê Văn T, vợ là Trần Thị T, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BG057580 ngày 21 tháng 6 năm 2011, sổ vào sổ cấp giấy: CH/100086 để thanh toán cho tổng số tiền 352.633.205 (Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm linh năm đồng); Trong đó nợ gốc 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu đồng), nợ lãi trong hạn 70.396.018 (Bảy mươi triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm mười tám đồng), nợ lãi quá hạn 99.237.187 (Chín mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng) của Hợp đồng tín dụng số 536/HDTD1-VIB32/11 ngày 30 tháng 6 năm 2011 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán;

- Quyền sử dụng đất diện tích 150m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1384, tờ bản đồ số 04, thôn 2, xã A, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn T, vợ là Bùi Thị L, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BG057922 ngày 27 tháng 6 năm 2011, số vào sổ cấp giấy: CH/0054 để thanh toán cho tổng số tiền 352.633.205 (Ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm linh năm đồng); Trong đó nợ gốc 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu đồng), nợ lãi trong hạn 70.396.018 (Bảy mươi triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm mười tám đồng), nợ lãi quá hạn 99.237.187 (Chín mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng) của Hợp đồng tín dụng số 536/HDTD1-VIB32/11 ngày 30 tháng 6 năm 2011 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán;

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 364m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 486, tờ bản đồ số 04, thôn P, xã P, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Hữu L, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AH527266 ngày 20 tháng 12 năm 2006, số vào sổ cấp giấy: H/00698. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hữu T và bà Đồng Thị H phải nộp 50.561.000 (Năm mươi triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí kinh doanh, thương mại. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT số tiền 23.700.000 (Hai mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0000734 ngày 07 tháng 3 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

